

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TDC24B**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH01074**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục thể chất**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2458102060859	Nguyễn Thành	An	15/08/2009			8	7.0	10.0		10.0		9.4
2	2458102060860	Nguyễn Duy	Anh	26/08/2009			9	7.0	10.0		10.0		9.4
3	2458102060861	Lê Hoàng	Bảo	03/12/2009			7	7.0	10.0		10.0		9.3
4	2458102060862	Nguyễn Văn	Bền	19/09/2009			9	10.0	10.0		10.0		9.9
5	2458102060863	Nguyễn Khoa	Cương	18/11/2009			8	9.0	5.0		7.0		7.1
6	2458102060864	Huỳnh Bảo	Duy	09/10/2009			9	10.0	10.0		10.0		9.9
7	2458102060865	Nguyễn Khánh	Duy	17/02/2009			8	8.0	10.0		10.0		9.5
8	2458102060866	Diêu Tiến	Đạt	10/06/2009			9	8.0	10.0		10.0		9.6
9	2458102060867	Huỳnh Hải	Đăng	01/05/2009			8	8.0	5.0		5.0		5.7
10	2458102060868	Ngô Trung	Hiếu	16/08/2009			8	10.0	10.0		10.0		9.8
11	2458102060869	Phan Trung	Hiếu	01/09/2009			8	10.0	10.0		10.0		9.8
12	2458102060870	Nguyễn Hữu	Học	10/07/2009			10	8.0	10.0		10.0		9.7
13	2458102060871	Lê Long	Hồ	08/02/2009			8	10.0	10.0		0.0		3.8
14	2458102060872	Cao Văn	Huyền	01/09/2008			7	8.0	10.0		10.0		9.4
15	2458102060873	Lâm Quang	Khải	03/09/2008			8	7.0	7.0		0.0		2.9
16	2458102060874	Phan Hoàng	Khải	03/10/2009			9	5.0	10.0		10.0		9.1
17	2458102060875	Cù Duy	Khang	16/10/2009			9	9.0	10.0		10.0		9.8
18	2458102060876	Nguyễn Hoàng	Khang	18/07/2009			8	10.0	9.0		10.0		9.7
19	2458102060877	Nguyễn Duy	Khanh	02/11/2009			9	9.0	10.0		10.0		9.8
20	2458102060878	Lê Tuấn	Kiệt	28/08/2009			10	10.0	10.0		10.0		10.0
21	2458102060879	Nguyễn Thế	Năng	04/07/2009			9	7.0	10.0		10.0		9.4
22	2458102060880	Nguyễn Phú	Nguyễn	18/12/2008			9	10.0	10.0		10.0		9.9
23	2458102060881	Phạm Minh	Phát	13/10/2009			10	10.0	10.0		10.0		10.0
24	2458102060882	Phan Bảo Tấn	Phát	11/05/2009			9	10.0	10.0		10.0		9.9
25	2458102060883	Nguyễn Bình	Phước	17/05/2009			10	10.0	10.0		10.0		10.0
26	2458102060884	Huỳnh Trương	Quốc	25/09/2009			8	9.0	10.0		0.0		3.7
27	2458102060885	Trần Quốc	Thái	10/06/2009			10	10.0	10.0		0.0		4.0
28	2458102060886	Nguyễn Chí	Thiện	24/10/2009			9	10.0	10.0		0.0		3.9
29	2458102060887	Võ Chí	Thiện	26/03/2009			9	9.0	10.0		10.0		9.8
30	2458102060888	Mã Quốc	Thịnh	06/11/2009			10	10.0	10.0		10.0		10.0
31	2458102060889	Nguyễn Việt	Thuận	04/08/2009			8	9.0	8.0		10.0		9.4
32	2458102060890	Trần Quốc	Thuận	30/04/2009			10	10.0	10.0		10.0		10.0
33	2458102060891	Trương Trung	Tính	03/04/2009			9	6.0	10.0		10.0		9.3
34	2458102060892	Nguyễn Phúc	Toàn	06/05/2008			9	9.0	10.0		10.0		9.8
35	2458102060893	Lư Đại	Vĩ	04/10/2009			8	6.0	10.0		0.0		3.2
36	2458102060894	Võ Thị Thúy	Vý	13/03/2007			6	7.0	8.0		10.0		8.9

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2458102060895	Đặng Gia	Vỹ	05/11/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 3 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm